

Bản án số: 27/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 23/6/2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lường Văn Hịa và bà Lò Thùy Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Huy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nhữ thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị T; Sinh năm: 1987;

Nơi ĐKNKTT: Bản Y, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn H; Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Bản Y, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 25, K3, trại giam Y, Bộ Công An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/01/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Quàng Văn H đăng ký kết hôn từ ngày 17/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H thường xuyên đi chơi đêm, ham mê cờ bạc và còn thường hay đánh đập chị, không chăm lo cuộc sống gia đình. Đến tháng 12/2016 anh H bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy bị Tòa án xử phạt 7 năm tù. Nay xét thấy tình cảm không còn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H;

Về con chung: anh chị có hai con chung là cháu Quàng Thị Thanh H1 sinh ngày 13/5/2006 và cháu Quàng Lương Hoàng A sinh ngày 13/8/2008, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi

dưỡng cháu H1 và cháu A, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị T khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/03/2021 anh H trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2005 anh H có đăng ký kết hôn với chị T tại Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống từ khi kết hôn đến tháng 12/2016 hai vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Từ 26/12/2016 do anh H vi phạm pháp luật bị xử phạt 07 năm tù, hiện đang chấp hành án tại trại giam Y. Anh H cho rằng anh còn tình cảm với chị T nên không đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa hai anh chị. Anh H có nguyện vọng sau khi chấp hành xong án phạt tù, anh chị sẽ cùng thống nhất quan điểm tìm hướng giải quyết chung tay nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Quàng Thị Thanh H1 sinh ngày 13/5/2006 và cháu Quàng Lương Hoàng A sinh ngày 13/8/2008. Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của hai vợ chồng xác định: Hai vợ chồng chị T và anh H chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H ham chơi cờ bạc và sử dụng ma túy. Tháng 12 năm 2016 anh H đã bị bắt về tội Mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang đi chấp hành án. Hai anh chị có hai con chung cháu Quàng Thị Thanh H1 sinh ngày 13/5/2006 và cháu Quàng Lương Hoàng A sinh ngày 13/8/2008 đều đang ở với chị T. Chị T hiện có nghề nghiệp là làm ruộng. Cháu H1 và cháu A có đơn thể hiện nguyện vọng được ở với chị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên khẳng định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng qui định; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị xử cho chị T được ly hôn với anh H; Căn cứ các điều 58, điều 69, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu H1 và cháu A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 chị T phải chịu T án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 07/01/2021 chị Lương Thị T nộp đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Quàng Văn H; Địa chỉ: Bản Yên Bình (nay là bản Cà Phê), xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 25, K3, trại giam Y, Bộ Công An. Chị T có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 07/01/2021 chị T đã nộp tạm

ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lương Thị T và anh Quảng Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Quảng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 17/10/2005, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn. Hiện anh H đang phải đi chấp hành án không còn ở cùng nhau, không thể quan tâm và chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do anh H vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy. Tháng 12 năm 2016 anh H đã bị bắt và xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Những nội dung trên các bên đều thừa nhận, Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn, huyện Điện Biên cũng đã xác nhận. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định anh H đã vi phạm pháp luật, vi phạm nghĩa vụ của người chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với chị T. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T, giải quyết cho ly hôn giữa chị T với anh H.

Anh H cho rằng tình cảm anh chị vẫn còn; anh H không muốn Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên chị T khẳng định tình cảm chị đối với anh H không còn cho nên Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là Quảng Thị Thanh H1 sinh ngày 13/5/2006 và cháu Quảng Lương Hoàng A sinh ngày 13/8/2008. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với điều kiện hiện nay của hai anh chị; Hiện anh H đang cải tạo, không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của chị T, căn cứ các qui định tại điều 58, điều 69, các khoản 1, 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu H1 và cháu A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Các đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị T phải chịu 300.000 đ T án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T, cho ly hôn giữa chị Lương Thị T và anh Quảng Văn H.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Quảng Thị Thanh H1 sinh ngày 13/5/2006 và cháu Quảng Lương Hoàng A sinh ngày 13/8/2008 cho chị Lương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lương Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng T án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí DSST chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu T số AA/2020/0000853 ngày 07/01/2021, chị T đã nộp đủ án phí DSST.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- UBND xã Sam Mứn;
- Chi cục THADS HDB;
- Tòa án tỉnh DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc